TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 126/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2025
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thành Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông **Đoàn Văn Rỹ**

2/ Bà **Thái Thục Hiền**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Vũ Thị Thu Phương**– Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà **Trần Thị Nga** – Kiểm sát viên.

Ngày 25/6/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và ngày 28/7/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh (sau sáp nhập) xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 363/2025/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2025 về "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 189/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25/6/2025 của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh và Thông báo số 05/TB-TA ngày 08/7/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh (sau sáp nhập), về thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đinh Thị Hà T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Đường T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1973; Địa chỉ: Đường T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/4/2025 và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Đinh Thị Hà T và ông Nguyễn Thanh V tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103/KH, Quyển số

01/2008, đăng ký ngày 04/6/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường 03, Quận 8 (nay là phường Chánh Hưng), Thành phố Hồ Chí Minh.

Sau khi có con chung tên Nguyễn Hoài B, sinh ngày 11/5/2004, đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, hai bên sống hạnh phúc. Đến năm 2018, phát sinh nhiều mâu thuẫn, sống ly thân cho đến nay.

Trước đây, bà T đã nộp đơn xin ly hôn nhưng vì còn muốn hàn gắn nên đã rút đơn ly hôn.

Nay, bà T nhận thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Thanh V.

Về con chung: Bà Đinh Thị Hà T xác định giữa bà và ông Nguyễn Thanh V có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hoài B, sinh ngày 11/5/2004 theo Giấy khai sinh số 249, Quyển số 01/2008, đăng ký ngày 15/7/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Từ khi ly thân cho đến nay, con Nguyễn Hoài B sống với cha mẹ tại địa chỉ: Đường T, Phường C, Thành phố Hồ Chí Minh và được chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến ngày hôm nay. Nay con chung đã thành niên, là người bình thường, nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Nguyễn Thanh V vắng mặt các lần triệu tập của Tòa án, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, xét xử. Nên Tòa án không lấy được lời khai của ông V.

Tại phiên tòa, do ông Nguyễn Thanh V vắng mặt, Chủ tọa phiên tòa công bố các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự;

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn khởi kiện của bà Đinh Thị Hà T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 186 của Bộ luật Tố tụng

Dân sự năm 2015 và Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bà T có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án thụ lý giải quyết tranh chấp về ly hôn.

Do ông Nguyễn Thanh V là bị đơn và có nơi cư trú tại Phường C, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của tòa án nhân dân cấp tỉnh, tòa án nhân dân khu vực. Nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt, vắng mặt của đương sự:

Bị đơn ông Nguyễn Thanh V được tống đạt hợp lệ hai lần vào các ngày 20/5/2025, 05/6/2025 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Và các ngày 25/6/2025, 28/7/2025 để tham gia phiên tòa, nhưng ông Nguyễn Thanh V vẫn vắng mặt, không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại các Điều 207, 227, và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án không tiến hành hòa giải được, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về hôn nhân:

Bà Đinh Thị Hà T, sinh năm 1976 và ông Nguyễn Thanh V, sinh năm 1973, tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103/KH, Quyển số 01/2008, đăng ký ngày 04/6/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường 03, Quận 8 (nay là phường Chánh Hưng), Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ quy định tại các Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, hai bên chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 phát sinh mâu thuẫn, sống ly thân nhiều năm, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ các Điều 19, 51 và 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, yêu cầu của bà Đinh Thị Hà T được ly hôn với ông Nguyễn Thanh V là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Bà Đinh Thị Hà T và ông Nguyễn Thanh V có 01 (một) con chung tên Nguyễn Hoài B, sinh ngày 11/5/2004 theo Giấy khai sinh số 249, Quyển số 01/2008, đăng ký ngày 15/7/2008 tại Ủy ban nhân dân phường Tân Thuận Đông, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp, nay đã thành niên (đủ 18 tuổi), là người bình thường, và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.4] Về nợ chung: Hai bên không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tại phiên tòa, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên có căn cứ để chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do đây là vụ án hôn nhân và gia đình, nguyên đơn yêu cầu giải quyết về ly hôn. Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Luật Phí và Lệ phí năm 2015; Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 8, Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15, ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị Hà T.

- Về hôn nhân: Bà Đinh Thị Hà T ly hôn ông Nguyễn Thanh V (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 103/KH, Quyển số 01/2008, đăng ký ngày 04/6/2008 tại Ủy ban nhân dân Phường 03, Quận 8 (nay là phường Chánh Hưng), Thành phố Hồ Chí Minh).

- Về con chung: Anh Nguyễn Hoài B, sinh ngày 11/5/2004, đã thành niên (đủ 18 tuổi), là người bình thường, và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 (ba trăm nghìn) đồng bà Đinh Thị Hà T phải chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0068738 ngày 21/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

- Bà Đinh Thị Hà T có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông Nguyễn Thanh V được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thành Trung

Nơi nhận:
- TAND Tp.Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 10, Tp.Hồ Chí Minh;
- THADS Tp.Hồ Chí Minh;
- UBND phường Chánh Hưng, Tp.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.